TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:491 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09-07-2020
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Quang Cảnh
2. Ông Nguyễn Tấn Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa : Bà Đặng Thị Thu Hương– *Kiểm sát viên*.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1150/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 205/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Anh T – sinh năm 1985 (Có mặt)
Địa chỉ: Phường T, quận T.

Bị đơn: Bà Lâm Thị Kim T – sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Phường T, quận T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/11/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Trần Anh T trình bày:

Ông và bà Lâm Thị Kim T tự nguyện đến với nhau. Hai bên có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 147 quyển số 01/2011 ngày 28/9/2011. Sau khi cưới vợ chồng về sống chung với cha mẹ của ông. Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Tính tình không hòa hợp, cãi vã. Bà T không trung thực thực trong tiền bạc, gây nợ bên ngoài. Ông nhiều lần đứng ra trả nợ thay cho bà T. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng dẫn đến hai bên không sống chung nhà từ năm 2019. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mặc dù hai bên nhiền lần tự hàn gắn nhưng không có kết quả. Do đó ông yêu cầu được ly hôn với bà Lâm Thị Kim T.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lâm Thị Kim T có lời khai thể hiện:

Thời gian kết hôn và chung sống đúng như ông T. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống tại nhà cha mẹ của ông T. Đến năm 2014 vợ chồng ra sống riêng. Từ tháng 10/2019 ông T tự thuê nhà sống riêng một mình. Giữa bà và ông T không chia sẽ được với nhau. Bà thừa nhận tình cảm giữa bà và ông T không còn nhưng bà không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T. Bà mong muốn con có cha mẹ đầy đủ. Bà yêu cầu được đoàn tụ gia đình. Do đó bà không đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung : Có một con chung là trẻ Trần Hải Đ sinh ngày 24/7/2012. Ông đồng ý giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông đóng góp cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đồng/tháng. Bà T cũng có yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu ông T đóng góp cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà khai không có**.**

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Lâm Thị Kim T nhưng bà T vắng mặt tại phiên tòa hôm nay. Do đó Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết : Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định quan hệ tranh chấp về ly hôn. Do bị đơn cư trú tại quận Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Thời hạn tố tụng: Vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, kiến nghị rút kinh nghiệm.

Về người tham gia tố tụng : Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Về thu thập chứng cứ : Thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án : Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn. Căn cứ lời khai và các chứng cứ thu thập được thể hiện vợ chồng ông T, bà T chung sống với nhau có xảy ra mâu thuẫn. Thực tế vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia

đình, do đó yêu cầu xin ly hôn của ông T là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ con chung : Ông T và bà T có 01 con chung tên Trần Hải Đ sinh ngày 24/7/2012. Ông T đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T đóng góp cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đồng/tháng. Bà T yêu cầu ông T đóng góp cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000đồng/tháng. Tuy nhiên bà T không xuất trình được chứng cứ để chứng minh thu nhập của ông T đủ khả năng cấp dưỡng số tiền hàng tháng mà bà yêu cầu. Mặt khác, ông T có cung cấp hợp đồng lao động với mức lương cơ bản là 4.730.000đồng/tháng và các khoản phụ cấp khác. Ông T thực nhận là 6.892.500đồng/tháng. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được nuôi con chung của bà T và buộc ông T đóng góp cấp dưỡng nuôi con với số tiền 3.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà khai không có và không nợ ai nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa sở thẩm, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của ông Trần Anh T, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về "Ly hôn". Do bà T hiện đang cư ngụ tại quận Tân phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T nhưng bà T vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn bà Thôn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 147 quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân phường T, quận Tân Phú,Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/9/2011, thì quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Anh T và bà Lâm Thị Kim T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Ông T nhận thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được do đó ông yêu cầu được ly hôn với bà T. Bà T không đồng ý ly hôn vì mong muốn con có đầy đủ cha và mẹ.

Căn cứ vào chứng cứ, lời khai của các bên trong quá trình giải quyết vụ án, kết quả xác minh tại địa phương cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện thời gian ông T, bà T chung sống với nhau có xảy ra mâu thuẫn. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Hiện ông T và bà T không sống chung nhà, mỗi người tự lo cuộc sống của mình, không quan tâm chia sẽ những khó khăn trong cuộc sống. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không có hạnh phúc. Mặt khác, bà T không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra biện pháp để khắc phục, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua đó cho thấy vợ chồng không có thiện chí hàn gắn tình cảm.

Xét thấy, tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình".Thực tế ông T và bà T không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó yêu cầu xin ly hôn của ông T đối với bà T là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: Xét, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là trẻ Trần Hải Đ sinh ngày 24/7/2012, ông Tuấn cũng đồng ý. Trong quá trình giải quyết vụ án, trẻ Đ cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Do đó để tránh xự xáo trộn về tâm lý cũng như nơi ở của trẻ. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về việc được nuôi con chung của bà T.

Xét, bà T yêu cầu ông T đóng góp cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000đồng/tháng. Ông T chỉ đồng ý đóng góp cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đồng/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, bà T yêu cầu ông T đóng góp cấp dưỡng nhưng cũng không chứng minh được nguồn thu nhập của ông T cụ thể bao nhiêu. Mặt khác, ông T có cung cấp chứng cứ cho Tòa án hợp đồng lao động và mức lương ông nhận thực tế theo tháng là 6.892.500đồng/tháng . Căn cứ Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận số tiền đóng góp cấp dưỡng là 3.000.000đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà khai không có và không nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 35;điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147;Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;
- Điều 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Anh T.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Anh T được ly hôn với bà Lâm Thị Kim T. Quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 147 quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân phường T, quận Tân Phú,Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/9/2011 chấm dứt kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Trần Hải Đ sinh ngày 24/7/2012 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T đóng góp cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đồng/tháng. Thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ trưởng thành.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Bà T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T.

Trong trường hợp bà T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông T hoặc người thân thích, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành tiền cấp dưỡng nuôi con, mà ông T chưa thi hành số tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về tài sản chung và nợ chung : Ông bà xác nhận không có và không nợ ai.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, ông Trần Anh T chịu được trừ vào số tiền 300.000đồng mà ông T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0020058 ngày 02/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú. Ông T phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND TP.HCM ;
- VKSND Q.Tân Phú ;
- Chi cục THA DS Q.Tân phú ;
-UBND P.T, Q.Tân Phú
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương